

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hoàng Cát, ngày 01 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN HOÀNG HÓA
CÔNG NHẬN DANH HIỆU “THÔN KIỂU MẪU” NĂM 2023

Tên tập thể đề nghị: thôn Nam Bình, xã Hoàng Cát

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

Thôn Nam Bình có vị trí địa lý nằm ở phía Tây Bắc của xã Hoàng Cát, có tuyến đường Quốc lộ 1A chạy qua với chiều dài 0,5 km, cách trung tâm huyện 7,0 km. Phía Đông giáp thôn Hà Nội, xã Hoàng Cát; Phía Bắc giáp xã Hoàng Qùy; Phía Tây giáp xã Phường Tào Xuyên, thành phố Thanh Hóa; Phía Nam giáp phường Long Anh, thành phố Thanh Hóa;

Diện tích đất tự nhiên 49,0 ha. Trong đó: Đất nông nghiệp: 35,2 ha; Đất nuôi trồng thủy sản: 1,4 ha; Đất phi nông nghiệp: 12,4 ha.

Thôn có 257 hộ với 871 khẩu, trong đó dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động là 545 người.

Số hộ nghèo (sau khi trừ hộ nghèo thuộc diện bảo trợ xã hội, bệnh hiểm nghèo): 0 hộ = 0%; số hộ cận nghèo: 0 hộ = 0%; thu nhập bình quân đầu người 64,1 triệu đồng/người/năm.

2. Thuận lợi

Thôn Nam Bình có truyền thống lịch sử văn hóa, có đoàn kết, tương thân tương ái, nguồn lao động dồi dào, người dân cần cù sáng tạo, chịu thương, chịu khó trong lao động, sản xuất có tinh thần trách nhiệm cao trong đóng góp xây dựng địa phương, con em xa quê luôn hướng về quê hương với tình cảm và trách nhiệm cao, nhân dân luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật nhà nước và quy ước của thôn.

Trong quá trình xây dựng thôn NTM kiểu mẫu, thôn Nam Bình luôn được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Văn phòng Điều phối NTM huyện, của đảng ủy, UBND xã và sự vào cuộc hỗ trợ của cả hệ thống chính trị từ xã đến thôn; đặc biệt là sự đoàn kết, chung sức, đồng lòng của cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong thôn, từ đó đã đóng góp tiền, vật tư, ngày công lao động để quyết tâm xây dựng thành công thôn NTM kiểu mẫu.

3. Khó khăn.

Bên cạnh những thuận lợi thôn còn gặp những khó khăn nhất định như quá trình xây dựng nông thôn mới trước đây mỗi thôn đều có những cách làm khác nhau, điểm xuất phát để xây dựng thôn NTM kiểu mẫu thấp

Nguồn thu từ xã hội hóa nhân dân còn hạn chế, cấp trên hỗ trợ cơ bản mới đáp ứng một phần khối lượng công việc, kiện kinh tế trong nhân dân chưa đều, khó khăn trong huy động nguồn vốn.

Một số chỉ tiêu, tiêu chí đã đạt theo quy định nhưng tính bền vững chưa cao như: Nhà ở và khuôn viên nông hộ, công tác vệ sinh môi trường.

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

A. Về công tác tổ chức, triển khai

- Huyện uỷ, UBND huyện đã tập trung chỉ đạo UBND xã Hoàng Cát và thôn Nam Bình tổ chức hội nghị để triển khai chủ trương, kế hoạch xây dựng mô hình nông thôn mới kiểu mẫu đến toàn thể nhân dân trong thôn;

- Đảng uỷ, HĐND, UBND xã Hoàng Cát đã ban hành Nghị quyết, Kế hoạch thực hiện các tiêu chí nông thôn mới theo từng giai đoạn. Thành lập Ban Chỉ đạo do đồng chí Bí thư Đảng uỷ làm Trưởng ban, thành lập Ban phát triển thôn Nam Bình do Đ/C BT chi bộ làm trưởng tiểu ban. Trên cơ sở đó xã tiến hành khảo sát lập kế hoạch xây dựng thôn đạt nông thôn mới kiểu mẫu, lấy ý kiến đóng góp của nhân dân, để làm cơ sở cho thôn Nam Bình hoàn thành các tiêu chí Nông thôn mới kiểu mẫu.

- Chi bộ thôn Nam Bình đã ra nghị quyết chuyên đề về xây dựng thôn đạt nông thôn mới kiểu mẫu NQ đã được thông qua biểu quyết của chi bộ. Sau khi tổ chức hội nghị lấy ý kiến của nhân dân trong thôn, Ban phát triển thôn đã lập kế hoạch xây dựng thôn đạt nông thôn mới kiểu mẫu theo bộ tiêu chí của tỉnh.

B. Về công tác thông tin, tuyên truyền và tham gia tập huấn

Ban chỉ đạo Chương trình xây dựng NTM xã, Ban phát triển thôn Nam Bình đã quan tâm triển khai, phổ biến đến tất cả cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong xã, đặc biệt là nhân dân thôn Nam Bình để giúp cho cán bộ và nhân dân hiểu rõ hơn mục đích, ý nghĩa, nội dung, của việc xây dựng thôn đạt NTM kiểu mẫu, từ đó nhân dân đồng thuận và chủ động tham gia vào các nội dung xây dựng NTM kiểu mẫu.

Công tác tuyên truyền xây dựng NTM đã được thực hiện dưới nhiều hình thức như: qua đài truyền thanh của xã, của thôn, các hội nghị, các pa nô, áp phích, băng zôn, khẩu hiệu...

Các tổ chức chính trị - xã hội đã tích cực vận động các thành viên, hội viên tham gia thực hiện các nội dung theo kế hoạch đã đề ra. Hội Phụ nữ thôn triển khai mô hình: "Chi hội phụ nữ kiểu mẫu 5 không 3 sạch xây dựng nông thôn mới". Đoàn thanh niên phát động đoàn viên thanh niên tích cực tham gia dọn vệ sinh môi trường và thu dọn rác 2 bên mái đê...

Công tác tuyên truyền vận động được coi trọng đã góp phần rất quan trọng giúp cán bộ và nhân dân có nhận thức đúng về việc thực hiện xây dựng thôn đạt NTM kiểu mẫu, thay đổi nếp nghĩ, khắc phục một bước tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước, khơi dậy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong nhân dân, tạo động lực to lớn biến chương trình thành một phong trào ngày càng lan rộng.

Ban công tác mặt trận thôn làm tốt công tác tuyên truyền thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, đẩy mạnh phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư gắn với việc huy động nguồn lực để xây dựng mô hình NTM kiểu mẫu; tham gia giám sát việc xây dựng cơ sở hạ tầng, kêu gọi các tập thể, cá nhân tham gia đóng góp, ủng hộ để hoàn thành các nội dung theo kế hoạch.

Việc thực hiện tốt công tác tuyên truyền đã tạo được không khí thi đua sôi nổi rộng khắp trong quần chúng nhân dân trong thôn, người dân đã tích cực, tự nguyện tham gia đóng góp tiền của, ngày công lao động và hiến đất làm đường giao thông, chỉnh trang nhà văn hóa, khu thể thao...để thực hiện xây dựng thôn đạt NTM kiểu mẫu.

C. Về phát triển kinh tế - xã hội

*** Phát triển sản xuất nông nghiệp.**

Thôn triển khai xây dựng mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực là cây lúa (lúa dàu thơm 8) cho thu nhập hàng trăm triệu đồng... đang đem lại hiệu quả kinh tế cao cho người dân. Ngoài ra, thôn vận động các hộ tập chung cải tạo vườn tạp, thay thế các loại cây trồng kém hiệu quả sang loại cây trồng khác mang lại giá trị kinh tế cao.

*** Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, ngành nghề nông thôn.**

Tình hình thị trường trên địa bàn thôn ổn định, các cơ sở hoạt động kinh doanh, đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm.

Toàn thôn có 12 cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể, chủ yếu trong các lĩnh vực dịch vụ thương mại.

*** Nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân.**

Vận động người dân đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp như tham gia vào mô hình liên kết, cải tạo vườn tạp trồng các loại cây ăn quả mang lại giá trị kinh tế cao nâng cao thu nhập cho người dân. Trong thôn, Lao động làm kinh tế xa nhà, lao động xuất khẩu đã góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân. Đó là cơ sở để giảm nghèo nhanh, bền vững. Năm 2023, thôn đã không còn hộ nghèo, hộ cận nghèo.

*** Xây dựng cơ sở hạ tầng**

Trong năm 2023, Thôn đã huy động sự đóng góp của nhân dân chỉnh trang lại khuôn viên nhà văn hóa, khu thể thao thôn, cứng hóa đường giao thông nông thôn. Cùng với đó là xây dựng hệ thống thoát nước đường giao thông, xây, trát tường rào của các hộ dân trên trục đường chính của thôn, xây bồn hoa, nâng cấp đường bê tông trong thôn với nguồn kinh phí từ huyện, xã và nhân dân đóng góp để xây dựng các công trình.

D. Công tác huy động nguồn lực

Tổng huy động nguồn lực: 4.575 triệu đồng. Trong đó:

- Nguồn huyện: 100 triệu đồng, chiếm 2,19%;

- Nguồn xã: 300 triệu đồng, chiếm 6,56%;
- Nguồn nhân dân đóng góp (800.000 đồng/khẩu) được: 750 triệu đồng, chiếm 16,39% để thực hiện bê tông hóa đường GTNT, GTNĐ; hệ thống điện đường; làm rãnh thoát nước trong khu dân cư; chỉnh trang khu thể thao thôn.
- Con em xa quê: 70 triệu đồng, chiếm 1,53%
- Chỉnh trang nhà cửa, cải tạo vườn tạp: 3.355 triệu đồng, chiếm 73,33%
- * Ngày công lao động: 895 ngày công;

E. Công tác vệ sinh môi trường và an ninh trật tự

- Công tác vệ sinh môi trường luôn được chú trọng quan tâm, rác thải sinh hoạt được hợp đồng với Công ty Môi trường Đô thị Thanh Hóa thu gom và vận chuyển ra khỏi địa phương để xử lý theo quy định. Các cơ sở sản xuất- kinh doanh, dịch vụ thôn Nam Bình nói riêng và các hộ dân trong thôn Nam Bình-xã Hoằng Cát nói chung đã thực hiện nghiêm túc việc phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn. 100% hộ dân thôn Nam Bình thống nhất cao thực hiện Hợp đồng số 09/2019 HĐDV, ngày 01/10/2019 do UBND xã Hoằng Cát ký với Công ty TNHH vận tải DVTM xử lý môi trường. môi trường về việc thu gom và vận chuyển đến bãi xử lý rác tập trung theo lịch hàng tuần 3 ngày/lần với mức thu: hộ gia đình, cá nhân thu: 10.000 đồng/khẩu/tháng;

An ninh trật tự luôn được giữ vững không có đơn thư khiếu nại tố cáo, không có người vi phạm pháp luật, nhân dân trong thôn đều yên tâm lao động sản xuất.

F. Kết quả thực hiện các tiêu chí thôn NTM kiểu mẫu

*** Kết quả thực hiện các tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu theo quyết định 41/2022/QĐ-UBND ngày 05/9/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa.**

1. Tiêu chí số 01 về Phát triển kinh tế:

a) Yêu cầu tiêu chí:

1.1. Thôn, bản có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc có mô hình nông nghiệp liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm hoặc có sản phẩm OCOP được xếp hạng 3 sao trở lên. Đạt

1.2. Sản phẩm nông nghiệp chủ lực của địa phương được truy xuất nguồn gốc, đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đạt

1.3. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ). ($\geq 80\%$).

1.4. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) ($\geq 35\%$).

b) Kết quả thực hiện:

1.1 Trong thôn có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực, đó là Lúa dài thơm 8; HTX DVNN Hoằng Cát ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm cho 21 hộ sản xuất trong thôn với tổng diện tích là 7,75 ha; đạt sản lượng 1008 tạ/

năm. Sản phẩm mô hình liên kết được cấp giấy xác nhận nguồn gốc xuất xứ và bản cam kết sản xuất thực phẩm an toàn.

1.2 Sản phẩm nông nghiệp chủ lực của địa phương là Lúa. Sản phẩm phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương, người dân có kinh nghiệm sản xuất, để cho ra sản phẩm an toàn, chất lượng cao, giá thành cạnh tranh; có hợp đồng ổn định, phù hợp với quy hoạch, định hướng cơ cấu lại nông nghiệp của xã.

1.3. Năm 2023 lực lượng lao động là 545 người, số lao động qua đào tạo là 442 người, Tỷ lệ lao động qua đào tạo (%): $442/545 \times 100\% = 81,1\%$.

1.4. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ:

Lực lượng lao động là 545 người; Số lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ là 196 người.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ qua đào tạo (%) $196/545 \times 100\% = 35,96\%$

c) Tự đánh giá: **Đạt**

2. Tiêu chí số 02 về Thu nhập:

a) Yêu cầu tiêu chí

Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người) cao hơn từ 10% trở lên so với mức thu nhập bình quân đầu người áp dụng đối với xã nông thôn mới nâng cao tại cùng thời điểm.

b) Kết quả thực hiện

Xã NTM nâng cao năm 2023 theo quy định là 58 triệu đồng/người/năm. Thu nhập bình quân đầu người năm 2023 của thôn là 64,1 triệu đồng/người/năm, cao hơn 10,5% so với mức thu nhập bình quân đầu người áp dụng đối với xã nông thôn mới nâng cao tại cùng thời điểm.

c) Tự đánh giá: **Đạt**

3. Tiêu chí số 3 về Nghèo đa chiều:

a) Yêu cầu tiêu chí:

Thôn, bản không còn hộ nghèo và hộ cận nghèo (trừ hộ nghèo, hộ cận nghèo không có khả năng lao động; hộ nghèo, hộ cận nghèo do bệnh hiểm nghèo).

b) Kết quả thực hiện:

- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều:

Tổng số hộ dân cư 257 hộ, tổng số hộ nghèo là 02 hộ (trong đó hộ nghèo không có khả năng lao động là 02 hộ; số hộ nghèo có thành viên bệnh hiểm nghèo là 0 hộ).

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều: $0/255 \times 100\% = 0\%$ (Đã trừ số hộ nghèo đa chiều không có khả năng lao động; hộ nghèo đa chiều do mắc bệnh hiểm nghèo).

- Tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều:

Tổng số hộ dân cư là 257 hộ, tổng số hộ cận nghèo là 0 hộ (trong đó hộ cận nghèo không có khả năng lao động là 0 hộ; số hộ cận nghèo có thành viên bệnh hiểm nghèo là 0 hộ).

Tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều: $0/257 \times 100\% = 0\%$ (Đã trừ số hộ đa chiều không có khả năng lao động; hộ cận nghèo đa chiều do mắc bệnh hiểm nghèo).

* *Tỷ lệ nghèo đa chiều (%)* = $0 + 0 = 0\%$

Tự đánh giá: **Đạt**

4. Tiêu chí số 4 về Nhà ở và khuôn viên nông hộ:

a) Yêu cầu tiêu chí:

- Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố $\geq 90\%$
- Đồ đạc căn hộ mỗi gia đình được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, khoa học; các công trình phụ trợ thuận tiện cho sinh hoạt, hợp vệ sinh, đảm bảo mỹ quan.
- Vườn hộ - vườn nằm trong khuôn viên hộ gia đình (đối với vườn có diện tích từ 200m² trở lên).
 - + Có bản vẽ hoặc sơ đồ quy hoạch được UBND xã xác nhận.
 - + Có cảnh quan xanh-sạch-đẹp; có sản phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.
 - + Thu nhập từ vườn hàng năm: tối thiểu đạt 30 triệu đồng/500m².
- Tỷ lệ hộ chăn nuôi (nếu có): Đúng quy cách kỹ thuật, có sử dụng bể biogas hoặc chế phẩm sinh học, đảm bảo vệ sinh môi trường: $\geq 90\%$
- Tỷ lệ hộ gia đình có hàng rào trồng bằng cây xanh, cây hoa hoặc tường rào cứng được phủ bằng cây xanh, cây hoa: $\geq 75\%$

b) Kết quả thực hiện:

4.1. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn của Bộ xây dựng 257/257 hộ, đạt tỷ lệ 100%; chỉ tiêu ($\geq 90\%$). Trong đó Tỷ lệ hộ có nhà biệt thự, cao tầng, nhà gỗ 98/257 hộ, đạt tỷ lệ 38,1% ($\geq 35\%$).

4.2. Đồ đạc căn hộ mỗi gia đình được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, khoa học; các công trình phụ trợ thuận tiện cho sinh hoạt, hợp vệ sinh: 257/257 hộ gia đình sắp xếp đồ đạc gọn gàng, ngăn nắp, khoa học, các công trình phụ trợ thuận tiện cho sinh hoạt, hợp vệ sinh, đảm bảo mỹ quan.

4.3 Vườn hộ - vườn nằm trong khuôn viên hộ gia đình:

Thôn không có vườn trên 500 m²; Có 86 vườn dưới 500 m² trong đó:

- + Số hộ có diện tích vườn nhỏ hơn 50m² là: 54 hộ
- + Số hộ có diện tích vườn từ 50m² - 200m² là: 31 hộ
- + Số hộ có diện tích trên 200m² là: 01 hộ
- + Số vườn mẫu: 01 vườn: có sơ đồ quy hoạch được UBND xã xác nhận; có cảnh quan xanh-sạch-đẹp; có sản phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

86/86 vườn có cảnh quan xanh-sạch-đẹp; có sản phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Thu nhập từ vườn hàng năm: tối thiểu đạt 30 triệu đồng/500m².

4.4 Các hộ chăn nuôi trong thôn với quy mô nhỏ đều được chăn nuôi đúng quy cách kỹ thuật, có sử dụng chế phẩm sinh học, đảm bảo vệ sinh môi trường: 06/06 hộ, đạt tỷ lệ 100%.

4.5 Tỷ lệ hộ gia đình có hàng rào trồng bằng cây xanh, cây hoa hoặc tường rào cứng được phủ bằng cây xanh, cây hoa: 201/257 hộ; chiếm tỷ lệ 78,2%.

c) Tự đánh giá: **Đạt**

5. Tiêu chí số 5 về Giao thông:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Đường trục chính thôn:

- Tỷ lệ km đường được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt tiêu chuẩn kỹ thuật đồng bộ; chiều rộng nền đường tối thiểu 5,0m, chiều rộng mặt đường tối thiểu 4,0m: 100%

- Các tuyến đường có rãnh tiêu thoát nước, rãnh dọc tiêu thoát nước sinh hoạt khu dân cư có nắp đậy: $\geq 70\%$

- Có biển báo giao thông đầu các trục đường thôn (biển báo hạn chế tải trọng xe, biển chỉ dẫn, gờ giảm tốc...) theo quy định.

- Tỷ lệ km đường được trồng cây xanh, cây hoa phù hợp với cảnh quan; có hệ thống điện chiếu sáng: $\geq 80\%$

Đường ngõ, xóm:

- Tỷ lệ km đường được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt tiêu chuẩn kỹ thuật đồng bộ; chiều rộng nền đường tối thiểu 4,0m, chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,0m: 100%

- Các tuyến đường có rãnh tiêu thoát nước: đạt 100%

- Tỷ lệ km đường được trồng hoa, cây xanh: $\geq 80\%$

Đường trục chính nội đồng hoặc khu sản xuất (nếu có): Đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm, chiều rộng nền đường tối thiểu 5,0m, chiều rộng mặt đường tối thiểu 4,0m: 100% ($\geq 80\%$ cứng hóa)

b) Kết quả thực hiện:

* Đường trục chính thôn:

- Tổng số tuyến đường trục chính thôn Nam Bình có chiều dài 0,63/0,63 km đã được nhựa hóa và bê tông hóa đạt tiêu chuẩn kỹ thuật đồng bộ, có lề đường và mặt đường theo đúng quy trình và kích thước. Đạt 100%.

- Các tuyến đường có rãnh tiêu thoát nước theo các trục đường chính của thôn, hiện nay đã thực hiện được 0,63/0,63 km, đạt tỷ lệ 100,0%.

- Trong thôn đã xây dựng hệ thống biển báo giao thông đầu các trục đường thôn.

- Các tuyến đường trên địa bàn thôn đã được trồng hoa là 0,63/0,63 km đạt 100%, hệ thống tuyến đường điện chiếu sáng là 0,63/0,63 km đạt 100%.

* Đường ngõ, xóm:

Trên địa bàn thôn Nam Bình có tổng chiều dài đường ngõ xóm là 0,71 km .

- Tỷ lệ km đường được bê tông hóa là 0,71/0,71 km đạt 100%.
- Các tuyến đường có rãnh tiêu thoát nước là 0,71/0,71 km đạt 100%.
- Tỷ lệ km đường được trồng hoa, cây xanh: 0,58/0,71 km đạt 81,6%.

* Đường trục chính nội đồng hoặc khu sản xuất:

- Tổng chiều dài các tuyến đường chính nội đồng là 0,44 km với chiều rộng nền đường là 5,0 m, chiều rộng mặt đường là 4,0 m; đã được bê tông hóa 0,44/0,44km. Đạt 100%.

c) Tự đánh giá: **Đạt**

6. Tiêu chí số 6 về Giáo dục

a) Yêu cầu tiêu chí:

6.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học mức độ 3 và đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2. Đạt.

6.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp) ($\geq 98\%$).

6.3. Có phong trào khuyến học, khuyến tài, học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập tốt được công nhận là “Cộng đồng học tập” do UBND xã ký Quyết định công nhận và được Hội Khuyến học cấp huyện tặng giấy khen. Đạt.

b) Kết quả thực hiện:

6.1. Phổ cập giáo dục: Xã được công nhận đạt chuẩn phổ cập theo Quyết định số 2290/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của UBND huyện.

6.2. Thôn có học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp) năm học 2022-2023 đạt tỷ lệ 100%.

6.3. Thôn đã được UBND xã công nhận “Cộng đồng học tập”; được Hội Khuyến học tặng giấy khen về thành tích khuyến học, khuyến tài.

c) Tự đánh giá: **Đạt**

7. Tiêu chí số 7 về Y tế:

a) Yêu cầu tiêu chí:

7.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) ($\geq 98\%$).

7.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) ($\geq 90\%$).

7.3. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử ($\geq 70\%$).

7.4. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) $\leq 10\%$.

b) Kết quả thực hiện:

7.1. Tổng số dân có hộ khẩu trên địa bàn thôn: 871 người (đã trừ người lao động, học tập ở nước ngoài).

Tổng số người có thẻ BHYT: 855 người.

Tỷ lệ có thẻ BHYT trên số dân của xã là 855/871 người, bằng 98,27%.

7.2. Hiện nay, UBND xã có đầy đủ trang thiết bị công nghệ thông tin và đã triển khai lập phần mềm hồ sơ sức khỏe điện tử cho từng người dân.

Thôn 257 hộ, với 871 nhân khẩu. Số công dân có sổ khám sức khỏe đã được Trạm y tế lập hồ sơ theo dõi qua phần mềm quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử với đầy đủ thông tin về họ và tên, ngày tháng năm sinh, địa chỉ thường trú, số CCCD là 871 người đạt 100%.

7.3. với 871 nhân khẩu thì hiện nay, số công dân đã có sổ sức khỏe điện tử thông qua việc cài đặt aap sổ sức khỏe điện tử là 620 người, đạt 71,2%.

7.4. Năm 2023, Thôn có 97 trẻ em dưới 5 tuổi được cân đo. Trong đó có 5 trẻ em bị suy dinh dưỡng thể thấp còi, tỷ lệ đạt 5,2%

c) Tự đánh giá: **Đạt**

8. Tiêu chí số 8 về Văn hoá:

a) Yêu cầu tiêu chí:

8.1. Nhà văn hóa thôn, bản được xây dựng đầu tư trang thiết bị hiện đại, kết nối được internet; có lắp đặt các dụng cụ thể dục, thể thao ngoài trời cho các lứa tuổi; phát triển nhiều loại hình sinh hoạt câu lạc bộ tại Nhà văn hóa và duy trì thường xuyên tổ chức các hoạt động theo quy định. Đạt

8.2. Hàng rào khuôn viên Nhà văn hóa, khu thể thao thôn được trồng bằng cây xanh hoặc tường rào cứng được phủ bằng cây xanh. Đạt 100%

8.3. Trong khuôn viên nhà văn hóa, khu thể thao thôn, bản trồng cây xanh hoặc trồng hoa hài hòa, hợp lý. Đạt

8.4. Có tủ sách (trên 50 đầu sách các loại) tại nhà văn hóa thôn, bản. Đạt

8.5. Được công nhận và giữ vững danh hiệu “Khu dân cư văn hóa” 5 năm liên tục theo quy định tại Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ”. Đạt.

8.6. Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa” 3 năm liên tục theo Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ. $\geq 80\%$

8.7. Thôn, bản được tặng giấy khen khu dân cư văn hóa đạt ít nhất trong 3 năm liên tục và tỷ lệ hộ gia đình được tặng giấy khen “gia đình văn hóa” đạt 25%/tổng số hộ gia đình. Đạt

8.8. Có hương ước, quy ước được UBND cấp huyện quyết định công nhận và 100% người dân thực hiện hương ước, quy ước.

8.9. Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu “Gia đình kiểu mẫu” từ $\geq 75\%$.

b) Kết quả thực hiện:

8.1. Nhà văn hóa, khu thể thao thôn: có diện tích nhà văn hóa 200,0m²; quy mô 150 chỗ ngồi; khu thể thao rộng 1000m²; có các công trình phụ trợ. Trang thiết bị trong hội trường được bố trí gọn gàng, hợp lý đúng theo quy định. Nhà văn hóa thôn có đầy đủ bàn ghế, tăng âm, loa đài, trang trí đầy đủ khánh tiết như: phong rèm, bức phát biểu, tượng Bác Hồ,...

8.2. Khuôn viên nhà văn hóa có tường rào bao quanh.

8.3 Trong khuôn viên có trồng hoa, cây cảnh, cây bóng mát.

8.4 Có tủ sách (trên 50 đầu sách các loại) tại nhà văn hóa thôn.

8.5 Thôn đã được UBND huyện công nhận và giữ vững danh hiệu “Khu dân cư văn hóa” trong 05 năm liên tục.

8.6 Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa” 3 năm liên tục theo Nghị định 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ: đạt trên 89%.

8.7. Thôn được tặng giấy khen khu dân cư văn hóa trong 03 năm liên tục và tỷ lệ hộ gia đình được tặng Giấy khen” Gia đình văn hóa” đạt trên 25% tổng số gia đình.

8.8. Có hương ước, quy ước được UBND cấp huyện quyết định công nhận và 100% người dân thực hiện hương ước, quy ước.

8.9. Tính đến thời điểm tháng 01/2024, thôn có tổng số hộ gia đình được Chủ tịch UBND xã công nhận “gia đình kiểu mẫu”: 202/257 hộ = 78,6%. Trong đó:

c) Tự đánh giá: **Đạt**

9. Tiêu chí số 9 về Môi trường

a) Yêu cầu tiêu chí:

9.1. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, dịch vụ, nuôi trồng thủy sản, làng nghề (nếu có) đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường đạt 100%;

9.2. Đường trục thôn, bản, ngõ, xóm, cảnh quan nơi ở từng hộ gia đình xanh - sạch - đẹp, an toàn;

9.3. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch;

9.4. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng $\geq 5\%$;

9.5. Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý theo đúng quy định đạt 100%;

9.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom và xử lý theo đúng quy định 100%;

9.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường $\geq 85\%$;

9.8. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại rác thải sinh hoạt, áp dụng biện pháp xử lý phù hợp $\geq 60\%$;

9.9. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả $\geq 50\%$;

- Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường $\geq 90\%$.

9.10. Có mô hình bảo vệ môi trường (tổ, đội, nhóm tham gia thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, vệ sinh đường làng ngõ xóm và các khu công cộng; câu lạc bộ, đội tuyên truyền về bảo vệ môi trường) hoạt động thường xuyên, hiệu quả, thu hút được sự tham gia của cộng đồng

b) Kết quả thực hiện:

9.1 Trên địa bàn thôn có 12 cơ sở sản xuất, kinh doanh (02 cửa hàng tạp hóa, 01 cơ sở cơ khí, 03 cơ sở nuôi trồng thủy sản, 01 cơ sở vật tư nông nghiệp, 01 cơ sở cắt tóc, 01 cơ sở sửa xe, 03 cơ sở xây sát). 12/12 (đạt 100%) các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn xã đã ký cam kết bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất với UBND xã; thực hiện công tác vệ sinh môi trường cũng như nguồn rác thải ra ngoài môi trường đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.

Các cơ sở sản xuất- kinh doanh, dịch vụ thôn Nam Bình nói riêng và các hộ dân trong thôn Nam Bình-xã Hoàng Cát nói chung đã thực hiện nghiêm túc việc phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn. 100% hộ dân thôn Nam Bình thống nhất cao thực hiện Hợp đồng số 09/2019 HĐDV, ngày 01/10/2019 do UBND xã Hoàng Cát ký với Công ty TNHH vận tải DVTM xử lý môi trường. môi trường về việc thu gom và vận chuyển đến bãi xử lý rác tập trung theo lịch hàng tuần 3 ngày/lần với mức thu: hộ gia đình, cá nhân thu: 10.000 đồng/khẩu/tháng;

Các hộ gia đình thực hiện xử lý rác thải đạt tiêu chuẩn và đảm bảo bền vững, xử lý rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường và không gây bức xúc đối với khu dân cư liền kề là 257/257 hộ đạt tỷ lệ 100%.

9.2 Đường giao thông trục chính của thôn dài 0,625 km (trong đó bê tông hóa: 0,625 km; các tuyến đường nhánh trong thôn dài 0,713 km đã được bê tông hóa 100%, có rãnh thoát nước có nắp đậy

- 0,625/0,625 km đường trục chính có cây xanh và trồng hoa.

- Đường làng, ngõ xóm đã được Nhân dân quét dọn, giữ gìn vệ sinh và duy trì thường xuyên, các tuyến đường đảm bảo xanh-sạch-đẹp.

- Khuôn viên nhà văn hóa đã có hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt và hệ thống thoát nước thải có nắp đậy. Có 01 thùng đựng rác phân loại CTR sinh hoạt và 02 thùng đựng rác thải nguy hại. Khu nhà vệ sinh khép kín, có hệ thống cây xanh, cây hoa xung quanh nhà văn hóa tạo cảnh quan bóng mát và sạch đẹp.

9.3 Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch: Thôn có nghĩa trang nằm trong quy hoạch, hoạt động mai tang được thực hiện đúng quy định.

9.4 Trong năm 2023 thôn có 02 người chết. Số người hỏa táng: 01 người, số người hun táng: 01 người. Tỷ lệ hỏa táng: 01 người = 50% (lớn hơn 5%).

9.5 Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Trên địa bàn thôn có tổng số 257 hộ/257 hộ = 100% hộ tham gia đóng góp thu gom rác thải vệ sinh môi trường; tần suất thu gom 02 lần/tuần. Rác thải từ các hộ gia đình trước khi vận chuyển đi xử lý. Được hộ gia đình phân loại bỏ vào thùng đựng rác để trong khuôn viên gia đình, khi đến ngày đổ rác thì mới mang ra ngoài tập kết để trước đầu ngõ của các hộ để Công ty TNHH vận tải DVTM xử lý môi trường thu gom và xử lý.

- Đối với chất thải nguy hại: Đối với chất thải rắn nguy hại được phát sinh trong quá trình vận hành chủ yếu là: Chủ yếu là các bao thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp,... Khối lượng chất thải rắn nguy hại phát sinh không nhiều, nhưng nếu không xử lý triệt để sẽ gây ảnh hưởng lớn. Tại thôn đã bố trí 02 thùng đựng rác thải nguy hại đặt tại nhà văn hoá thôn để thu gom chất thải nguy hại trong nhân dân và 03 bể thu gom rác thải nguy hại ngoài đồng ruộng. Công tác xử lý chất thải rắn nguy hại sẽ được quản lý theo đúng Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TN&MT quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 08/3/2021 của UBND huyện Hoàng Hóa.

9.6 Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường đạt 89,2 %.

9.7 Trên địa bàn thôn đã có 156/257 hộ = 60,7% hộ thực hiện phân loại rác tại nguồn và có biện pháp xử lý (chủ yếu là phân loại các phế liệu để bán, rác hữu cơ (cơm, rau thừa) được cho gia súc, gia cầm còn lại thì vận chuyển đi xử lý).

9.8 Đối với nước thải nhà vệ sinh (nước đen): Có 257 hộ/257 hộ đã xây dựng đồng bộ bể tự hoại 3 ngăn ngay khi xây nhà vệ sinh;

- Đối với nước thải từ quá trình tắm giặt, nấu ăn... (nước xám) đã có 139/257 hộ=54,1% hộ xây dựng hố gas nhằm lắng lọc, xử lý một phần lượng nước phát sinh trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung của khu vực hoặc sử dụng lượng nước thải sau hố gas để tưới cho cây cối, rau màu trong khuôn viên vườn hộ.

9.9 Toàn thôn có 06 hộ chăn nuôi. Các hộ chủ yếu chăn nuôi nhỏ lẻ hộ gia đình với quy mô nhỏ.

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường, có hệ thống xử lý chất thải, nước thải đảm bảo, có chuồng trại khô ráo thoáng mát, thường xuyên vệ sinh chuồng trại không để các chất thải bị ứ đọng và có mùi hôi thối ảnh hưởng đến môi trường xung quanh là 06/06 hộ đạt 100%.

Các hộ đã sử dụng chế phẩm vi sinh để xử lý chất thải trong chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.

9.10 Xã đã xây dựng thành công mô hình “chi hội phụ nữ kiểu mẫu 5 không 3 sạch xây dựng nông thôn mới” thường xuyên tổ chức dọn vệ sinh môi trường đường làng ngõ xóm 1 lần/tuần và tự quản chăm sóc đường hoa vào chủ nhật hằng tuần. Công tác giữ gìn vệ sinh môi trường trên địa bàn toàn thôn luôn được chú trọng, thôn có hương ước về giữ gìn vệ sinh chung, quy định lịch tổng vệ sinh đường làng, ngõ xóm ít nhất 01 tuần 01 lần tổ chức tổng dọn vệ sinh đường làng ngõ xóm, khơi thông cống rãnh và xử lý rác thải nơi công cộng theo các cụm dân cư đã phát huy được tính tập thể người dân cùng tham gia.

Cấp ủy, các chi hội, câu lạc bộ trong toàn thôn đoàn kết phát động hội viên, đoàn viên, nhà nhà thi đua, người người thi đua và xác định đây là nhiệm vụ chính trị phải phát động thường xuyên, liên tục trong tổ chức và thực hiện nhiệm vụ. Trong các hội nghị nhân dân và các hội nghị của các chi hội, câu lạc bộ thường được lồng ghép đến công tác bảo vệ môi trường để đưa ra cho hội viên và nhân dân tự đấu tranh những hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường.

c) Tự đánh giá: **Đạt**

10. Tiêu chí số 10 về chất lượng môi trường sống

a) *Yêu cầu của tiêu chí:*

10.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung $\geq 45\%$.

10.2. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm đạt 100%.

10.3. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn. Đạt

10.4. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông, lâm, thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm. đạt 100%

10.5. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch.

b) *Kết quả thực hiện:*

10.1 Tổng số hộ trong thôn sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung là 181/257 hộ đạt 70,4%.

10.2 Các chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm là 31/31 cơ sở đạt 100%;

10.3 Trên địa bàn thôn không xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm nào.

10.4 Trên địa bàn thôn không có cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông, lâm, thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm, đạt 100%;

10.5 - Số hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh, tỷ lệ: 257/257 hộ = 100%;

- Số hộ có nhà tắm hợp vệ sinh, tỷ lệ: 257/257 hộ = 100%;

- Số hộ có bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, tỷ lệ: 257/257 hộ = 100%;
- Công tác vệ sinh nhà cửa, đường làng, ngõ xóm của các hộ theo tiêu chí 3 sạch theo quy định được hội phụ nữ, nông dân xã tuyên truyền đến từng hộ gia đình và 100 % số hộ thực hiện theo đúng quy định.

c) Tự đánh giá: **Đạt**

11. Tiêu chí số 11 về Thủy lợi và phòng chống thiên tai:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Hệ thống thủy lợi liên quan đến thôn, bản cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất, dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai 04 tại chỗ; có áp dụng công nghệ tưới tiên tiến tiết kiệm nước đối với cây trồng chủ lực địa phương

b) Kết quả thực hiện:

Hệ thống kênh mương của thôn có tổng chiều dài 2,80 km, đã kiên cố hóa 2,80 km, đạt 100%.

Diện tích đất nông nghiệp của thôn được tưới tiêu hằng năm bằng hệ thống kênh mương đảm bảo nhu cầu tưới tiêu cho sản xuất, dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai 4 tại chỗ. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực được tưới nước tiên tiến, tiết kiệm nước: 4,5/15,5 ha = 29%.

Nguồn nước xả thải vào hệ thống kênh mương được kiểm soát chặt chẽ, không có trường hợp vi phạm về xả thải ra kênh mương.

Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ: Hàng năm, thôn chủ động xây dựng phương án phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đầy đủ; Đã thành lập và kiện toàn Ban chỉ huy, đội xung kích phòng chống thiên tai hàng năm.

c) Tự đánh giá: **Đạt**

12. Tiêu chí số 12 về Điện:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

12.1. Có lưới điện trung thế và hạ thế sử dụng 100% cáp bọc hoặc cáp ngầm.

Đạt

12.2. Tỷ lệ hộ thanh toán hóa đơn tiền sử dụng điện qua ứng dụng thanh toán điện tử $\geq 90\%$.

b) Kết quả thực hiện:

12.1. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn, đạt chuẩn theo quy định của Bộ Công Thương: 257/257 hộ, đạt tỷ lệ 100%;

Nguồn điện cấp cho các hộ được cấp từ Trạm biến áp số 01 Hoàng Cát có công suất 250 kVA-22/04kV đặt tại thôn do Công ty cổ phần quản lý kinh doanh điện lực Thanh Hoá quản lý, vận hành đảm bảo theo yêu cầu của ngành điện.

12.2. Tỷ lệ thanh toán hóa đơn điện tử của các hộ dân dùng điện sinh hoạt trên địa bàn thôn có 242 hộ/257 hộ đạt 94,2% ($\geq 90\%$).

c) Tự đánh giá: **Đạt**

13. Tiêu chí số 13 về Thông tin và truyền thông:

a) Yêu cầu tiêu chí:

13.1. Có hạ tầng Internet cáp quang và thông tin di động 4G/5G; cán bộ thôn, bản có ứng dụng các nền tảng số để thông tin, tuyên truyền đến người dân trong thôn. Đạt

13.2. Có hệ thống loa kết nối với Đài truyền thanh xã đang sử dụng tốt. Đạt

13.3. Có một trong các mô hình ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các lĩnh vực như: Sản xuất, kinh doanh, y tế, giáo dục; an toàn giao thông; an ninh trật tự; truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Đạt

b) Kết quả đạt được:

13.1. Thôn có hộ gia đình có dịch vụ viễn thông; internet theo quy định của Bộ Thông tin và truyền thông, đạt tỷ lệ 89%.

13.2. Toàn thôn có hệ thống loa truyền thanh của xã và của thôn phục vụ tốt công tác thông tin tuyên truyền.

- Hệ thống loa kết nối với truyền thanh xã: đang sử dụng tốt.

13.3. Có mô hình ứng dụng công nghệ thông tin: Có mô hình Camera giám sát hoạt động có hiệu quả tốt.

c) Tự đánh giá: Đạt

14. Tiêu chí số 14 về Hệ thống chính trị; chấp hành pháp luật

a) Yêu cầu tiêu chí:

14.1. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị - xã hội theo quy định; hàng năm hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Đạt

14.2. Trong năm xét công nhận hoặc năm liền kề, Chi bộ được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Đạt

14.3. Chi bộ có Nghị quyết chuyên đề về xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu. Đạt

14.4. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành công ($\geq 90\%$).

14.5. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng hỗ trợ pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu ($\geq 90\%$).

b) Kết quả đạt thực hiện:

14.1. Thôn có đầy đủ các tổ chức bao gồm: Chi bộ thôn, Ban Công tác Mặt trận thôn, Chi hội Phụ nữ, Chi hội nông dân, chi hội CCB, Chi đoàn thanh niên theo quy định. Trong 2 năm, Ban công tác mặt trận thôn, các chi hội, chi đoàn của thôn được UBTMTQ và các đoàn thể xã đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

14.2. Căn cứ kết quả đánh giá, xếp loại của Đảng ủy xã đối với Chi bộ thôn: năm 2021 “Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ” (Quyết định số 24-QĐ/ĐU ngày 15/12/2021), năm 2022 “Chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” (Quyết định số 59-QĐ/ĐU ngày 05/12/2022);

14.3. Chi bộ thôn đã ban hành Nghị quyết chuyên đề về xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

14.4. Trong thời gian qua, thôn đã triển khai, tổ chức thực hiện tốt công tác hòa giải và các quy định của pháp luật hòa giải cơ sở, như: Thường xuyên quan tâm, rà soát và đề nghị UBND xã kịp thời kiện toàn Tổ hòa giải, với số lượng 07 hòa giải viên (Theo Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 của Chủ tịch UBND xã về việc kiện toàn Tổ hòa giải thôn); Tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí hoạt động theo quy định; thường xuyên quan tâm nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho hòa giải viên...

Số vụ, việc hòa giải trong năm 2023: Không phát sinh vụ, việc hòa giải.

14.5. Thôn thường xuyên quan tâm thông báo công khai về đối tượng thuộc diện trợ giúp pháp lý theo quy định tại Điều 7 Luật Trợ giúp pháp lý ngày 20/6/2017 trên hệ thống truyền thanh của thôn, trong các cuộc họp thôn và niêm yết công khai tại nhà văn hóa thôn..., góp phần thông tin kịp thời và đảm bảo quyền của người được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu; không sinh vụ, việc trợ giúp pháp lý và không có đối tượng thuộc diện trợ giúp pháp lý yêu cầu.

c) Tự đánh giá: **Đạt**

15. Tiêu chí số 15 về Quốc phòng và An ninh:

a) Yêu cầu tiêu chí:

15.1. Thực hiện tốt nhiệm vụ đăng ký, quản lý, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, phương tiện kỹ thuật, hoàn thành tốt nhiệm vụ tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ hàng năm. **Đạt**

15.2. Tham gia đầy đủ chương trình bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng-an ninh cho các đối tượng theo kế hoạch của cấp trên; thực hiện tốt công tác phổ biến kiến thức Quốc phòng-an ninh cho toàn dân; hoàn thành tốt nhiệm vụ huấn luyện, diễn tập phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn và nhiệm vụ đột xuất khác.

15.3. Không có khiếu kiện, truyền đạo trái pháp luật ở khu dân cư. **Đạt**

15.4. Không có công dân cư trú phạm tội bị khởi tố, không xảy ra trọng án, tội phạm rất nghiêm trọng trở lên; tội phạm và tệ nạn xã hội được kiềm chế, giảm dần; không phát sinh mới người mắc tệ nạn xã hội ở khu dân cư.

15.5. Được công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” và đạt loại “xuất sắc” trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc theo quy định của Bộ Công an; có mô hình tự quản về An ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

b) Kết quả thực hiện:

15.1 Thôn đã thực hiện tốt nhiệm vụ đăng ký, quản lý, xây dựng lực lượng dân quân đúng, đủ theo Luật Dân quân tự vệ; có danh sách đăng ký, quản lý lực lượng dân quân nòng cốt (Dân quân tại chỗ, dân quân cơ động, dân quân bình chủng, bảo đảm) và dân quân rộng rãi (dân quân nam từ 18 đến 45 tuổi, dân quân nữ từ 18 đến 40 tuổi) theo quy định. Cụ thể đã xây dựng 01 tổ dân quân tại chỗ 03

đồng chí, đảm bảo đủ về số lượng và yêu cầu chất lượng về chính trị, đồng chí thôn Đội trưởng là đảng viên. Lực lượng dân quân nòng cốt trong thôn hằng năm đều tham gia đầy đủ công tác huấn luyện và thực hiện các nhiệm vụ khác của dân quân khi được triệu tập.

Lực lượng dự bị động viên được đăng ký, quản lý đầy đủ theo đúng hạn ngạch (Quân nhân dự bị hạng 1, quân nhân dự bị hạng 2), hằng năm quân nhân dự bị hạng 1 đều tích cực tham gia các đợt huấn luyện tại các đơn vị quân DBĐV theo kế hoạch của trên.

Phương tiện kỹ thuật đăng ký của thôn có 01 xe ô tô tải, 04 xe ô tô 4 chỗ sẵn sàng tham gia thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng khi được điều động.

Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ qua các năm ngày được nâng cao; cụ thể: Đăng ký, quản lý đầy đủ độ tuổi 17 đối với nam và độ tuổi nam thanh niên sẵn sàng nhập ngũ (từ 18 đến 25 tuổi, có trình độ cao đẳng, đại học đến 27 tuổi) qua các năm từ 2017 đến 2023 thôn đều hoàn thành tốt công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ.

15.2 Hằng năm thôn đã lập danh sách và cử cán bộ, đảng viên tham gia đầy đủ chương trình bồi dưỡng cho đối tượng 4 theo kế hoạch của huyện và xã; thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức quốc phòng - an ninh cho toàn dân.

Hoàn thành tốt nhiệm vụ huấn luyện cho các đối tượng dân quân (dân quân tại chỗ, cơ động, binh chủng, đảm bảo) theo kế hoạch huấn luyện hằng năm của trên (đối với dân quân năm thứ nhất, dân quân binh chủng, đảm bảo do ban CHQS huyện tổ chức huấn luyện); dân quân cơ động, tại chỗ do ban CHQS xã tổ chức huấn luyện); hoàn thành tốt trong tham gia diễn tập, phòng chống bão lụt, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn và nhiệm vụ đột xuất khác của thôn, xã.

15.3. Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn thôn được duy trì ổn định. Trong năm 2023 không xảy ra khiếu kiện, truyền đạo trái pháp luật.

15.4. Không có công dân cư trú trên địa bàn thôn phạm tội bị khởi tố.

- Trong năm 2023 trên địa bàn thôn không xảy ra trọng án, tội phạm từ rất nghiêm trọng trở lên.

- Trên địa bàn thôn không có người nghiện ma túy. Trong năm 2023, không phát sinh mới người mắc tệ nạn xã hội.

15.5. Năm 2023 thôn được công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự” theo Thông tư số 124/2021/TT-BCA; phân loại” Xuất sắc” trong phong trào toàn dân bảo vệ ANTV theo Quyết định số 510/QĐ-BCA-V05.

Hiện nay, trên địa bàn thôn vẫn tiếp tục duy trì hoạt động hiệu quả mô hình” Camera với an ninh trật tự”.

c) Tự đánh giá: **Đạt**

Tổng số tiêu chí đạt so với bộ tiêu chí thôn NTM kiểu mẫu của UBND tỉnh là 15/15 tiêu chí.

(Kết quả thực hiện các tiêu chí có biểu kèm theo BC)

*** Một số kết quả nổi trội khác của Thôn**

- Thôn đã xây dựng kiên cố 01 cổng chào thôn đặt tại tuyến đê Tả Lạch Trường;

- Thôn đã kêu gọi xã hội hóa cùng với nguồn lực nhân dân đóng góp đầu tư xây dựng, lắp đặt các dụng cụ thể thao tại khu thể thao thôn;

- Tỷ lệ hộ có nhà biệt thự, cao tầng, nhà gỗ 98/257 hộ, đạt tỷ lệ 38,1%

- Vẽ tranh bích họa được 06 tấm với 70,0 m²;

- Có 1,8 km đường cây mát ngọc.

***. Sự hài lòng của người dân**

Sau khi hoàn chỉnh báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu. Thôn đã gửi báo cáo cho Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội để lấy ý kiến tham gia. Kết quả tổng hợp ý kiến cho thấy các thành viên của Ủy ban MTTQ xã và ban chấp hành các tổ chức chính trị - xã hội, 100% thành phần tham gia đều nhất trí cao; 99,57% người dân hài lòng với kết quả đã thực hiện và đề nghị UBND xã lập báo cáo chi tiết trình các cấp thẩm định công nhận.

Tổng số tiêu chí đạt so với bộ tiêu chí thôn NTM kiểu mẫu của UBND tỉnh là 15/15 tiêu chí.

Sau gần 1 năm xây dựng mô hình điểm thôn đạt NTM kiểu mẫu, việc triển khai đồng bộ các giải pháp đã tạo được sự chuyển biến tích cực về nhận thức trong cán bộ, đảng viên và nhân dân Nam Bình; người dân tin tưởng vào chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nhận thức được vai trò chủ thể, tự giác tham gia xây dựng thôn đạt NTM kiểu mẫu bằng nhiều việc làm cụ thể như: tập trung phát triển kinh tế; chỉnh trang cảnh quan, bảo đảm vệ môi trường trong thôn, các hộ đã tập trung cải tạo vườn tạp, XD vườn mẫu, đảm bảo an ninh trật tự...Thôn Nam Bình đã triển khai thực hiện những nội dung, nhiệm vụ về xây dựng thôn đạt NTM kiểu mẫu đảm bảo theo quy trình, hướng dẫn của tỉnh, của huyện và kế hoạch đề ra. Việc huy động sự tham gia đóng góp công sức, tiền của... để xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, dân sinh được phát huy tối đa. Các công trình hạ tầng từng bước được đầu tư xây dựng hoàn thiện theo quy chuẩn. Điều kiện đi lại, sản xuất, sinh hoạt của người dân đã được cải thiện hơn; vệ sinh môi trường nông thôn có những chuyển biến tích cực; trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Công tác phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn được đẩy mạnh; kinh tế hộ có bước phát triển, thu nhập bình quân đầu người không ngừng tăng lên, đời sống vật chất, tinh thần của người dân được nâng lên đáng kể; trong thôn không còn hộ nghèo. Diện mạo nông thôn, cảnh quan khu dân cư có nhiều khởi sắc; việc xây dựng thành công mô hình thôn đạt NTM kiểu mẫu đã tạo động lực, là tấm gương cho các thôn trên địa bàn xã học tập và tích cực tham gia xây dựng thôn của mình cũng đạt NTM kiểu mẫu. Tinh thần nhân dân trong thôn phấn khởi, củng cố

được lòng tin đối với Đảng, Nhà nước vào sự quan tâm đến nông nghiệp, nông thôn

Với những kết quả đạt được, Thôn Nam Bình, xã Hoàng Cát đã được Chủ tịch UBND huyện Hoàng Hóa công nhận đạt chuẩn “Thôn nông thôn mới kiểu mẫu” năm 2023 tại Quyết định số 383 /QĐ-UBND ngày 30/1/2024

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của Quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định
2022	Giấy khen	Quyết định số 59-QĐ/ĐU ngày 05/12/2022 của BCH Đảng bộ xã Hoàng Cát tặng giấy khen chi bộ thôn Nam Bình đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2022
		Quyết định số 19/QĐ-UBMTTQ ngày 15/12/2022 của UBMTTQ xã Hoàng Cát tặng giấy khen Ban Công tác Mặt trận thôn Nam Bình đã có thành tích xuất sắc trong công tác mặt trận năm 2022
		Quyết định số 12/QĐ-ĐTN ngày 14/12/2022 của BTV Đoàn xã Hoàng Cát tặng chi đoàn TNCS Hồ Chí Minh thôn Nam Bình đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác đoàn và phong trào Thanh Thiếu Niên năm 2022
		Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của Chủ tịch UBND xã Hoàng Cát tặng giấy khen Nhân dân và cán bộ thôn Nam Bình đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2022
		Quyết định số 17/QĐ-HPN ngày 15/12/2022 của Hội Liên hiệp PN xã Hoàng Cát tặng giấy khen chi hội Phụ Nữ thôn Nam Bình đạt thành tích xuất sắc trong công tác Hội năm 2022
		Quyết định số 19/QĐ-HCCB ngày 19/12/2022 của Chủ tịch CCB xã Hoàng Cát tặng giấy khen chi hội Cựu Chiến Binh thôn Nam Bình đã có thành tích xuất sắc năm 2022
		Quyết định số 12/QĐ-HND ngày 15/12/2022 của Chủ tịch Nông dân xã Hoàng Cát tặng giấy khen chi hội Nông dân thôn Nam Bình đã có thành tích xuất sắc năm 2022
		Quyết định số 85/ QĐ-UBND ngày 24/8/2022 khen Nhân dân và cán bộ thôn Nam Bình đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện Kế hoạch 99; 89; đề án 1089 của UBND huyện Hoàng Hóa
		Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 01/11/2022 của Chủ tịch UBND xã hoàng Cát về khen Nhân dân và cá bộ thôn Nam Bình có thành tích xuất sắc trong xây dựng cộng đồng dân cư năm 2022.

2023	Giấy khen	Quyết định số 112/QĐ/ĐU ngày 15/12/2023 của UBND xã Hoàng Cát tặng giấy khen Nhân dân và cán bộ thôn Nam Bình đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2023
		Quyết định số 04/QĐ-UBMTTQ ngày 07/12/2023 của UBMTTQ xã Hoàng Cát tặng giấy khen Ban Công tác Mặt trận thôn Nam Bình đã có thành tích xuất sắc trong công tác mặt trận năm 2023
		Quyết định số 17/QĐ-ĐTN ngày 14/12/2023 của BTV Đoàn xã Hoàng Cát tặng chi đoàn TNCS Hồ Chí Minh thôn Nam Bình đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác đoàn và phong trào Thanh Thiếu Niên năm 2023
		Quyết định số 03/QĐ-HPN ngày 05/12/2023 của Hội Liên hiệp PN xã Hoàng Cát tặng giấy khen chi hội Phụ Nữ thôn Nam Bình đạt thành tích xuất sắc trong công tác Hội năm 2023
		Quyết định số 12/QĐ-HCCB ngày 15/12/2023 của Chủ tịch CCB xã Hoàng Cát tặng giấy khen chi hội Cựu Chiến Binh thôn Nam Bình đã có thành tích xuất sắc năm 2023
		Quyết định số 23/QĐ-HND ngày 26/12/2023 của Chủ tịch Nông dân xã Hoàng Cát tặng giấy khen chi hội Nông dân thôn Nam Bình đã có thành tích xuất sắc năm 2023
		Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 04/5/2023 của Chủ tịch UBND xã Hoàng Cát tặng giấy khen chi hội Nông dân thôn Nam Bình đã có thành tích xuất sắc trong công tác Hội và phong trào Nông dân giai đoạn 2018-2023.
		Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của Chủ tịch UBND xã Hoàng Cát tặng giấy khen chi hội Phụ nữ thôn Nam Bình đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lập thành tích chào mừng 70 năm thành lập Đảng bộ xã
		Quyết định số 3151/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 của UBND huyện Hoàng Hóa tặng giấy khen Nhân dân và cá bộ thôn Nam Bình đã có thành tích xuất sắc 3 năm thực hiện phong trào thi đua “chung sức xây dựng Nông thôn mới ” giai đoạn 2021-2025
		Quyết định số 3004/ QĐ-UBND ngày 28/7/2023 của Chủ tịch UBND huyện Hoàng Hóa tặng giấy khen Nhân dân và cán bộ thôn Nam Bình có thành tích xuất sắc trong phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”

	Bằng Khen	Quyết định số 438/QĐ-MTTQ-UB ngày 22/5/2023 của UBMTTQ Việt Nam Tỉnh Thanh Hóa tặng Bằng Khen khu dân cư thôn Nam Bình đã có thành tích xuất sắc trong tổ chức Ngày hội Đại Đoàn kết dân tộc ở khu Dân cư giai đoạn 2003-2023
--	------------------	---

Với những thành tích đã đạt được thôn Nam Bình, xã Hoàng Cát đề nghị Hội đồng Thi đua, khen thưởng xã Hoàng Cát, Hội đồng Thi đua, khen thưởng huyện Hoàng Hóa xem xét, đề nghị Chủ tịch UBND huyện công nhận thôn kiểu mẫu năm 2023./.

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ HOÀNG CÁT
CHỦ TỊCH**

TRƯỞNG THÔN

Nguyễn Văn An

Phạm Ngọc Thoan